

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Cao đẳng xây dựng DD & Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Cao đẳng Học Phần : Hoá học đại cương Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3375010003	Võ Thanh	An	03/04/1990	7	3					5.00	1.50	2.00	1.40	3	
2	3375010006	Lê Hoàng	Anh	17/02/1990	2	3					2.50	0.75	0.00	0.00	1	Học lại
3	3375010007	Nguyễn Tuấn	Anh	27/08/1991	7	5					6.00	1.80	3.00	2.10	4	
4	3375010032	Nguyễn Gia	Cường	23/05/1989	4	3					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
5	3375010034	Nguyễn Huy	Cường	25/10/1990	5	5					5.00	1.50	5.00	3.50	5	Bảo lưu
6	3375010038	Trần Minh	Cường	25/07/1991	6	4					5.00	1.50	6.00	4.20	6	
7	3375010050	Đình Hữu	Duy	02/02/1989	5	9					7.00	2.10	7.00	4.90	7	
8	3375010055	Phú Minh	Duy	20/12/1989	6						6.00	1.80	0.00	0.00	2	Học lại
9	3375010056	Trần Quang	Duy	24/09/1991	9	2					5.50	1.65	8.00	5.60	7	
10	3375010061	Cao Xuân	Dương	17/04/1990	2	8					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
11	3375010062	Hồ Minh	Dương	09/06/1991	8	4					6.00	1.80	5.00	3.50	5	
12	3375010068	Nguyễn Văn	Dương	16/08/1991	7	7					7.00	2.10	6.00	4.20	6	
13	3375010079	Mai Văn	Đảm	02/07/1991	6	7					6.50	1.95	8.00	5.60	8	
14	3375010083	Trần Văn	Đoàn	05/02/1989	9						9.00	2.70	1.00	0.70	3	Học lại
15	3375010102	Đoàn Viết	Hạnh	12/09/1991	5	2					3.50	1.05	4.00	2.80	4	
16	3375010103	Nguyễn Văn	Hạnh	22/05/1988	6	7					6.50	1.95	5.00	3.50	5	Học lại
17	3375010104	Lê Thanh	Hào	20/04/1990	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	Học lại
18	3375010113	Trần Hoàng	Hải	16/09/1991	6	5					5.50	1.65	4.00	2.80	4	
19	3375010115	Trần Minh	Hải	12/05/1991	5						5.00	1.50	8.00	5.60	7	Học lại
20	3375010124	Trần Minh	Hoàng	15/03/1991	4	2					3.00	0.90	7.00	4.90	6	
21	3375010140	Phạm Xuân	Hữu	28/02/1989	8						8.00	2.40	4.00	2.80	5	Học lại

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3375010149	Nguyễn Đức	Khiêm	23/02/1991	5	3					4.00	1.20	1.00	0.70	2	
23	3375010160	Đình Đức	Lâm	04/06/1990	6	6					6.00	1.80	6.00	4.20	6	Bảo lưu
24	3375010164	Đạo Văn	Lắm	05/05/1987	8	4					6.00	1.80	8.00	5.60	7	
25	3375010219	Lê Minh	Nhật	18/02/1991	2	4					3.00	0.90	6.00	4.20	5	
26	3375010220	Trần Thanh	Nhật	10/06/1991	5	3					4.00	1.20	5.00	3.50	5	
27	3375010226	Nguyễn Thuận	Phát	11/02/1989	3	4					3.50	1.05	2.00	1.40	2	
28	3375010230	Nguyễn Quang	Phong	18/09/1991	9	7					8.00	2.40	7.00	4.90	7	
29	3375010235	Nguyễn Văn	Phòng	12/06/1991	9						9.00	2.70	2.00	1.40	4	Học lại
30	3375010236	Nguyễn Anh	Phụng	25/03/1991	7						7.00	2.10	8.00	5.60	8	Học lại
31	3375010242	Phạm Quốc	Phú	29/06/1990	4	1					2.50	0.75	7.00	4.90	6	
32	3375010250	Tạ Thanh	Phượng	28/09/1990	0	0					0.00	0.00	0.00	0.00	0	Học lại
33	3375010264	Lê Quang	Quyền	01/01/1991	5	4					4.50	1.35	2.00	1.40	3	
34	3375010281	Lê Văn	Tâm	14/03/1991	1	5					3.00	0.90	8.00	5.60	7	
35	3375010299	Trương Công	Thanh	25/10/1990	6	4					5.00	1.50	5.00	3.50	5	
36	3375010304	Ngô Văn	Thắng	07/08/1991	3	4					3.50	1.05	6.00	4.20	5	
37	3375010309	Nguyễn Văn	Thành	19/05/1990	6	4					5.00	1.50	0.00	0.00	2	Học lại
38	3375010317	Nguyễn Thành	Thi	05/11/1991	7	4					5.50	1.65	6.00	4.20	6	
39	3375010328	Nguyễn Thanh	Thu	23/11/1991	8	3					5.50	1.65	7.00	4.90	7	
40	3375010340	Phạm	Tiên	10/01/1991	5	2					3.50	1.05	5.00	3.50	5	
41	3375010345	Cao Tuấn	Toàn	07/12/1990	6	3					4.50	1.35	5.00	3.50	5	
42	3375010347	Trần Hữu	Toàn	20/01/1990	3	6					4.50	1.35	6.00	4.20	6	
43	3375010349	Lê Văn	Tĩnh	25/05/1987	8	5					6.50	1.95	6.00	4.20	6	
44	3375010353	Phạm Đình	Trọng	27/03/1991	10	10					10.00	3.00	8.00	5.60	9	
45	3375010356	Phạm Đình	Trí	26/03/1991		4	10				7.00	2.10	5.00	3.50	6	
46	3375010366	Dương Tấn	Trịnh	26/02/1991		10					10.00	3.00	4.00	2.80	6	Học lại
47	3375010375	Huỳnh Thanh	Tuấn	14/09/1991		10					10.00	3.00	8.00	5.60	9	Học lại
48	3375010385	Đỗ Thanh	Tùng	08/05/1991		6	4				5.00	1.50	4.00	2.80	4	

STT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thành phần						TBC TP	Quy TS 30%	Điểm thi	Quy TS 70%	Điểm TK	Ghi chú
				L1	L2	L3	L4	L5	L6						
49	3375010396	Nguyễn An Công	Viễn	09/08/1991		1	0			0.50	0.15	2.00	1.40	2	Học lại
50	3375010413	Huỳnh Công	Vỹ	09/04/1991		10	3			6.50	1.95	7.00	4.90	7	

Tổng: 50.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	2	4.0
Giỏi	2	4.0
Khá	8	16.0

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	10	20.0
Trung bình	13	26.0
Không đạt	15	30.0
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/..../.....
Giáo Vụ Khoa

Trưởng Khoa